

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BG  
TỈNH BG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST  
Ngày 26 tháng 8 năm 2022  
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Th.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vượng
2. Bà Nguyễn Thị Biên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tổng Lan Hương –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa:*** Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2022/TLST-DS, ngày 22/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-DS ngày 22/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-DS ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 71, đường GH, tổ dân phố ĐG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG

***Đại diện theo ủy quyền của bà G:*** Bà Võ Thị A B, sinh năm 1982

Địa chỉ liên hệ: Số 09, đường HVT, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG (có mặt)

**- Bị đơn:** Chị Hà Thị T, sinh năm 1977 và anh Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Số nhà 277 đường XG, tổ NG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG. (vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 71, đường GH, tổ dân phố ĐG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

**Đại diện theo ủy quyền của ông Th:** Bà Võ Thị A B, sinh năm 1982

Địa chỉ liên hệ: Số 09, đường HVT, phường NQ, thành phố BG, tỉnh BG (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G (do bà Võ Thị A B là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng) trình bày:* Bà Nguyễn Thị G và chị Vũ Thị T có mối quan hệ quen biết. Ngày 15/12/2015, bà G cho vợ chồng chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Văn Tu vay số tiền 450.000.000đồng. Hai bên có lập Giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn vay, giao hẹn bằng miệng khi nào bà G cần tiền báo trước 01 tháng, thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 2%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng và kinh doanh. Vợ chồng chị T, anh Tu đều ký giấy biên nhận vay tiền, bà G cũng giao đủ số tiền 450.000.000đồng cho anh chị.

Từ khi vay tiền bà G, chị T và anh Tu chưa trả cho bà G khoản tiền gốc và lãi nào. Đến năm 2020, do cần tiền, bà G đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T và anh Tu đều không trả tiền cho bà. Do vậy, bà G khởi kiện yêu cầu chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền như sau: Tiền nợ gốc: 450.000.000đồng và lãi suất kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Thời gian tạm tính lãi suất từ ngày 15/12/2015 đến ngày 15/4/2022 (74 tháng) với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Số tiền lãi tạm tính là: 74 tháng x 0,83%/tháng x 450.000.000đồng = 276.390.000đồng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/4/2022 là 726.390.000đồng.

*\*Bị đơn là chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu vắng mặt tại địa phương, Tòa án tiến hành triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để thông báo cho anh chị. Tuy nhiên, chị T và anh Tu không đến Tòa án làm việc, không cung cấp quan điểm ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tài liệu chứng cứ cho Tòa án.*

*\*Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th (do bà Võ Thị A B là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng) trình bày:*

Ông Th khẳng định có việc vợ ông là bà G đã cho chị T và anh Tu vay số tiền 450.000.000 đồng. Số tiền 4500.000.000 đồng cho vợ chồng chị T, anh Tu vay là

tài sản chung của vợ chồng ông Th. Ông Th đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, buộc chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu phải trả vợ chồng ông số tiền: 450.000.000đồng nợ gốc và lãi suất kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Thời gian tạm tính lãi suất từ ngày 15/12/2015 đến ngày 15/4/2022 (74 tháng) với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Số tiền lãi tạm tính là: 74 tháng x 0,83%/tháng x 450.000.000đồng = 276.390.000đồng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/4/2022 là 726.390.000đồng.

*\*Tại phiên tòa ngày 08/8/2022, bị đơn vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.*

*\*Tại phiên tòa ngày 26/8/2022:*

Bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Bà Bình là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu trả cho bà G tiền gốc 450.000.000 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu trả tiền lãi của số tiền vay 450.000.000 đồng, mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng; 0,027%/ngày).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu phải trả bà Nguyễn Thị G số tiền gốc 450.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu về tính tiền lãi do nguyên đơn tự nguyện xin rút.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bà G và ông Th ủy quyền cho bà Võ Thị A B tham gia tố

tụng, bà Bình có mặt tham gia phiên tòa. Bị đơn là chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, tiền lãi cho vay theo các giấy vay tiền do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BG.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (bản gốc giấy vay tiền ghi ngày 15/12/2015) có đủ căn cứ xác định: Ngày 15/12/2015, bà Nguyễn Thị G cho chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn Tu vay số tiền 450.000.000 đồng là có thật. Từ khi vay đến nay, chị T và anh Tu chưa trả cho bà G khoản tiền gốc nào. Do vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về việc buộc chị T và anh Tu trả số tiền gốc 450.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[4] Về yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn rút yêu cầu về đòi nợ lãi đối với số tiền gốc 450.000.000 đồng đã vay. Xét thấy, việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là tự nguyện, cần đình chỉ yêu cầu đòi lãi của Nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Do các bên không tự thỏa thuận được về lãi suất chậm thi hành án, nên áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tuyên phần lãi suất chậm thi hành án.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### *1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- Buộc chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc 450.000.000đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng*)

- Đình chỉ yêu cầu về đòi lãi trên số tiền gốc 450.000.000đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) của bà Nguyễn Thị G đối với chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu.

2. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### *3. Về án phí:*

3.1. Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn Tu phải chịu 22.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn trả bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.150.000đồng (bằng chữ: Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001483 ngày 22/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Về hướng dẫn thi hành án dân sự:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG
- VKSND TP BG,
- Chi cục THADS TP.BG;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Th**